

Tu Mơ Rông, ngày tháng 7 năm 2026

Số /BC-BĐD

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm và triển khai phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026

Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) xã Tu Mơ Rông (sau đây gọi tắt là Ban đại diện xã) được thành lập theo Quyết định số 109/QĐ-UBND(CT) ngày 24/03/2026 của Chủ tịch UBND xã. Từ ngày thành lập đến nay, Ban đại diện xã đã bám sát sự chỉ đạo của Ban đại diện tỉnh, NHCSXH tỉnh, Đảng ủy, UBND xã và chương trình, kế hoạch công tác năm 2026 để đề ra các giải pháp triển khai thực hiện nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn của hộ nghèo và các đối tượng thụ hưởng chính sách khác vay vốn để sản xuất, kinh doanh nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

I. Công tác tham mưu, chỉ đạo thực hiện triển khai chủ trương chính sách của Đảng, Chính phủ, Nghị quyết Hội đồng quản trị, của Đảng ủy, UBND xã

- Tiếp tục tham mưu Đảng ủy, UBND xã triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 39/CT-TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới; Quyết định 05/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030. Trong 6 tháng đầu năm 2026, UBND xã đã trích ngân sách địa phương để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn với số tiền 300 triệu đồng.

- Triển khai phổ biến, quán triệt, chỉ đạo các thành viên Ban đại diện, các tổ chức CT-XH nhận ủy thác xã, các ngành liên quan, thôn trưởng các thôn tổ chức thực hiện các chủ trương chính sách mới của Chính phủ, HĐQT, các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ mới của cấp trên¹.

- Chỉ đạo các đơn vị có liên quan, thôn trưởng các thôn, các tổ chức CT-XH xã đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách Pháp luật của Nhà nước về các chương trình tín dụng chính sách xã hội để nhân dân kịp thời nắm bắt thực hiện.

- Trên cơ sở kế hoạch tín dụng năm 2026 được tạm giao, xã đã phân giao chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng tín dụng cho các thôn với số tiền 14.259 triệu đồng, tương

¹ - HD 2026/HD-NHCS ngày 20/04/2026 của Tổng Giám đốc về việc hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người sau cai nghiện ma túy.

- NQ 21/NQ-HĐND ngày 24/4/2026 Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc bãi bỏ các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cũ và Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

- CV 847/NHCS-KHTD ngày 05/05/2026 của Giám đốc Chi nhánh về việc dừng cho vay đề án cho vay tiêu dùng

- VB 2525/HD-NHCS ngày 20/4/2026 của Tổng giám đốc về việc hướng dẫn nghiệp vụ cho vay ký quỹ đối với người lao động tại Hàn Quốc.

đương với tỷ lệ tăng trưởng 13%, trong đó: Vốn TW tăng trưởng 11.859 triệu đồng, tỷ lệ 9,1%; Vốn ngân sách địa phương tăng trưởng 2.400 triệu đồng (*ngân sách tỉnh 2.100 triệu đồng; ngân sách xã 300 triệu đồng*). Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các tổ chức CT-XH nhận ủy thác, Ban quản lý tổ tiết kiệm và vay vốn (*gọi tắt là tổ TK&VV*) tổ chức cho vay đảm bảo đúng quy trình, quy định và đúng đối tượng; hướng dẫn người vay sử dụng vốn đúng mục đích; lập hồ sơ xử lý rủi ro đợt I năm 2026...

II. Công tác kiểm tra, giám sát

- Trưởng Ban đại diện ban hành Kế hoạch số 344/KH-BĐD ngày 09/05/2026 về Kiểm tra, giám sát của thành viên Ban đại diện thực hiện công tác kiểm tra giám sát năm 2026 theo Đề cương hướng dẫn của Trung ương, và của Ban đại diện. Các thành viên Ban đại diện HĐQT xã đã thực hiện kiểm tra, giám sát tại địa bàn được 01 Điểm giao dịch, 01 Tổ chức Chính trị - xã hội, 01 Thôn trưởng, 01 lượt Tổ TK&VV, 5 lượt hộ vay vốn.

III. Kết quả hoạt động của NHCSXH trên địa bàn xã: Phòng giao dịch NHCSXH đã chủ động báo cáo, tham mưu, đề xuất với Ban đại diện xã triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các văn bản, Nghị quyết của HĐQT, Ban đại diện HĐQT các cấp, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh NHCSXH. Kết quả đạt được như sau:

1. Về nguồn vốn: Tổng nguồn vốn đạt 123.195 triệu đồng, tăng so với số thực hiện năm 2025 là 14.259 triệu đồng (+13%). Trong đó:

+ Nguồn vốn Trung ương 108.942 triệu đồng, tăng 11.859 triệu đồng (+12,2%) so với 31/12/2025.

+ Nguồn vốn nhận ủy thác từ nguồn Ngân sách địa phương 14.253 triệu đồng, tăng 2.400 triệu đồng (+20,2%) so với 31/12/2025. Trong đó nguồn vốn nhận ủy thác từ ngân sách xã 300 triệu đồng, tăng 300 triệu đồng so với đầu năm và đạt 100% kế hoạch giao.

2. Về công tác cho vay, thu nợ, thu lãi, dư nợ các chương trình tín dụng chính sách

Tổng chỉ tiêu tăng trưởng được giao là: 14.259 triệu đồng, tỷ lệ 13%. Trong đó vốn ngân sách địa phương giao tăng trưởng 2.400 triệu đồng (*ngân sách tỉnh 2.100 triệu đồng; ngân sách xã 300 triệu đồng*).

- Doanh số cho vay 28.608 triệu đồng, với 311 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn².

- Doanh số thu nợ 14.449 triệu đồng, chiếm 50,5% doanh số cho vay³, trong đó tỷ lệ thu nợ đến hạn đạt 100%.

- Tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách đạt 123.195 triệu đồng, tăng 14.259 triệu đồng⁴ (+13%) so với 31/12/2025, với 1.226 khách hàng dư nợ, thông qua 27 Tổ TK&VV. (*Chi tiết có biểu số 02/BC đính kèm*).

² Doanh số cho vay tập trung chủ yếu vào một số chương trình cho vay như: hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn 8.831 triệu đồng; hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm 13.994 triệu đồng; NS&VSMTNT 4.226 triệu đồng; ...

³ Doanh số thu nợ, tập trung ở một số chương trình cho vay như: Hộ nghèo 4.239 triệu đồng; Hộ cận nghèo 811 triệu đồng; hộ mới thoát nghèo 698 triệu đồng; Hộ gia đình SXKD tại VKK 4.240 triệu đồng; hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm 3.630 triệu đồng;..

+ Tín dụng phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh tạo sinh kế và việc làm bao gồm: cho vay hộ nghèo, cho vay hộ cận nghèo, cho vay hộ mới thoát nghèo, cho vay hộ gia đình SXKD tại VKK, cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm ...; dư nợ các chương trình này đạt 97.622 triệu đồng, chiếm 79,3% tổng dư nợ.

+ Tín dụng phục vụ đời sống, sinh hoạt bao gồm: Cho vay HSSV, cho vay NS&VSMTNT, cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở...; dư nợ các chương trình này đạt 25.573 triệu đồng, chiếm 20,7% tổng dư nợ.

3. Chất lượng tín dụng chính sách

- Cùng với việc tập trung thực hiện chỉ tiêu kế hoạch tín dụng được trung ương và địa phương giao, NHCSXH tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các tổ chức CT-XH nhận ủy thác xã tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm củng cố nâng cao chất lượng tín dụng, đồng thời thực hiện tốt công tác quản lý nợ, phòng ngừa nợ xấu phát sinh trong quá trình hoạt động. Nợ quá hạn 10 triệu đồng chiếm 0,008% tổng dư nợ; nợ khoanh 44 triệu đồng, chiếm 0,036% tổng dư nợ.

- Toàn xã có 16/17 thôn không có nợ quá hạn, chiếm 94,12%. (*Chi tiết có biểu số 03/BC đính kèm*).

- Lãi tồn đọng 50 triệu đồng, giảm 328 triệu đồng so với đầu năm.

- Công tác xử lý nợ bị rủi ro: Lập hồ sơ xử lý rủi ro đợt I/2026 cho 2 món xóa nợ, số tiền gốc 62 triệu đồng⁵.

- Hộ vay bỏ đi khỏi địa phương nơi vay vốn: Đến 30/6/2026, còn 01 hộ vay bỏ đi khỏi địa phương với số tiền gốc 17 triệu đồng. Trong đó: Khách hàng không có thông tin địa chỉ cụ thể 01 hộ, số tiền 17 triệu đồng⁶.

- Thu lãi cho vay đạt 99,74% kế hoạch thu lãi năm, một số thôn có tỷ lệ thu lãi đạt cao (các Mô Pả, Kon Pia, Kon Tun, Tu Mơ Rông ...).

4. Tổ chức giao dịch xã:

- Tại xã Tu Mơ Rông, phòng giao dịch NHCSXH có 02 Điểm giao dịch hoạt động ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đến giao dịch tiếp cận nguồn vốn tín dụng của Chính phủ, thông qua hoạt động Điểm giao dịch tại xã đã tiết giảm chi phí cho người vay vốn, thực hiện dân chủ, công khai và tăng cường sự giám sát của chính quyền địa phương và các tổ chức CT-XH nhận ủy thác trong việc thực thi các chương trình tín dụng chính sách trên địa bàn

- Địa điểm giao dịch, lịch giao dịch cố định được thông báo trên biển hiệu Điểm giao dịch xã và công khai trên trang website của NHCSXH, hệ thống Bảng, Biển, văn bản công khai Tín dụng chính sách đầy đủ. Đến 30/6/2026 Tỷ lệ giải ngân tại xã đạt 94,18%, tỷ lệ thu nợ gốc đến hạn tại xã đạt 99,98%, tỷ lệ thu lãi tại xã đạt 99,72%.

5. Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ: Phòng giao dịch NHCSXH đã xây dựng chương trình tự kiểm tra để các Tổ chuyên môn nghiệp vụ thực hiện tại địa bàn xã.

⁴ Các chương trình tín dụng chính sách tăng so với đầu năm: Cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm 10.413 triệu đồng; cho vay Hộ SXKD tại VKK 5.189 triệu đồng; cho vay Cấp NS&VSMT 2.941 triệu đồng

⁵ Hộ A Noh thôn Đăk Hà 10 triệu đồng thuộc Đoàn thanh niên quản lý, Hộ Y Tài thôn Mô Pả 52 triệu đồng thuộc hộ Nông dân quản lý.

⁶ Hộ Nguyễn Thị Hằng thôn Mô Pả thuộc hội Nông dân quản lý.

6. Kết quả triển khai một số nhiệm vụ quan trọng khác

- Phối hợp các tổ chức CT-XH nhận ủy thác xã thực hiện sắp xếp các tổ TK&VV, các tổ chức CT-XH nhận ủy thác theo cụm dân cư liên kề.
- Phối hợp với các cơ quan báo, đài Trung ương và địa phương tuyên truyền các chính sách tín dụng, các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả. Trong 6 tháng đầu năm 2026 có 06 bài viết, phóng sự được đăng tải.

7. Kết quả phối hợp thực hiện dịch vụ ủy thác với các tổ chức CT-XH nhận ủy thác

- Đến 30/6/2026, dư nợ ủy thác qua các tổ chức CT-XH xã đạt 123.195 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 100%/tổng dư nợ của Phòng giao dịch NHCSXH, tăng 14.259 triệu đồng so với 31/12/2025. Nợ quá hạn 10 triệu đồng chiếm 0,008% tổng dư nợ; nợ khoanh 44 triệu đồng, chiếm 0,036% tổng dư nợ nhận ủy thác (*Chi tiết có biểu số 04/BC đính kèm*).
- Công tác giao ban định kỳ giữa NHCSXH với các tổ chức CT-XH trên địa bàn xã được thực hiện đúng theo quy định.
- Phối hợp rà soát, sắp xếp hồ sơ và chấn chỉnh hoạt động tổ TK&VV đảm bảo về chất lượng và thời gian thực hiện.
- Đến 30/6/2026, có 27 Tổ TK&VV, trong đó có 20 Tổ đạt loại tốt (74%); 07 Tổ đạt loại khá (26%); không có tổ xếp loại trung bình, yếu kém..
- Công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức CT-XH nhận ủy thác: Các tổ chức CT-XH trên địa bàn đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2026 theo quy định và đã kiểm tra theo Kế hoạch đã xây dựng.⁷
- Công tác tuyên truyền, thông tin các chủ trương chính sách mới, vận động tổ viên Tổ TK&VV thực hành tiết kiệm bằng nhiều hình thức luôn được chú trọng, góp phần nâng cao ý thức của hộ vay trong việc trả nợ, trả lãi cho NHCSXH.

IV. Đối với UBND xã

- Chỉ đạo các tổ CT-XH nhận ủy thác, thôn trưởng, tổ trưởng Tổ TK&VV thực hiện nghiêm túc việc bình xét cho vay.
- Kết quả đánh giá chất lượng hoạt động tín dụng chính sách tại xã: xếp loại “Tốt”.

V. Đánh giá chung

1. Những kết quả đạt được nổi bật trong những tháng đầu năm 2026

- Trong 6 tháng đầu năm, từ vốn vay tín dụng chính sách đã tạo điều kiện cho 311 lượt khách hàng được tiếp cận nguồn vốn vay, cụ thể: 32 khách hàng vay vốn trồng Sâm Ngọc Linh với dư nợ trên 3,1 tỷ đồng; 50 khách hàng vay vốn đầu tư chăn nuôi trâu, bò dư nợ trên 3,8 tỷ đồng; 143 khách hàng vay vốn trồng cà phê, dư nợ trên 12,9 tỷ đồng; 85 khách hàng vay vốn xây dựng, cải tạo được 170 công trình nước sạch, vệ sinh ở nông thôn với số tiền trên 3,8 tỷ đồng...; tạo việc làm cho 124 lao động...

2. Những tồn tại, hạn chế

2.1. Đối với các tổ chức CT-XH nhận ủy thác xã

⁷ HND đã kiểm tra tỷ lệ đạt 70%; HPN đã kiểm tra tỷ lệ đạt 50% ; ĐTN đã kiểm tra tỷ lệ đạt 100%; HCCB đã kiểm tra tỷ lệ 100%.

- Hội CCB xã gửi báo cáo và mẫu biểu kiểm tra giám sát năm 2026 chưa đúng quy định.

- Các Hội ND, PN, CCB, ĐTN chưa gửi Kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2026, Thông báo kiểm tra giám sát 2026 theo kế hoạch để các tổ TK&VV lưu trữ.

2.2. Đối với tổ TK&VV

- Một số tổ tỷ lệ thu lãi đạt thấp: tổ Y Bám thuộc hội Phụ nữ quản lý; Tổ A Kria thuộc hội Nông dân quản lý; Tổ Y Doang, A Nhi thuộc hội Cựu chiến binh quản lý; Tổ A Khuyết, A Hei thuộc Đoàn thanh niên quản lý.

2.3. Đối với các thôn:

- Lãi tồn đọng: Một số thôn có lãi tồn chưa thu hồi được như: Thôn Tu Cấp, Thôn Ngọc Leang,...

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Hoạt động của Ban đại diện xã

- Các thành viên Ban đại diện bám sát nhiệm vụ được giao để triển khai thực hiện, đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Đặc biệt chú trọng công tác kiểm tra, giám sát theo Kế hoạch đã xây dựng.

- Lãnh đạo phòng Kinh tế xã tiếp tục rà soát, cân đối các nguồn vốn (vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển khác, vốn sự nghiệp, nguồn tăng thu tiết kiệm chi, nguồn chi thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác...) để tham mưu UBND xã trình HĐND xã tiếp tục ưu tiên bố trí vốn ủy thác qua phòng giao dịch NHCSXH để cho vay theo Kế hoạch số 98/KH-UBND, ngày 31/12/2025 của UBND xã Tu Mơ Rông về việc Triển khai Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới*” trên địa bàn xã Tu Mơ Rông.

- Tiếp tục làm tốt công tác tham mưu cho Đảng ủy, UBND xã tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung Chỉ thị số 39/CT-TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới; Quyết định 05/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030... trọng tâm là tiếp tục quan tâm chuyển vốn ngân sách xã qua phòng giao dịch NHCSXH để cho vay hộ nghèo, hộ chính sách theo kế hoạch đã được duyệt.

2. Đối với UBND xã

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 98/KH-UBND, ngày 31/12/2025 của Chủ tịch UBND xã về Triển khai Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới*” trên địa bàn xã.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát tại cơ sở. Chỉ đạo các tổ chức CT-XH nhận ủy thác, thôn trưởng, tổ trưởng Tổ TK&VV thực hiện nghiêm túc việc bình xét cho vay, ưu tiên vốn vay để đầu tư phát triển sản xuất gắn kết các tổ liên kết sản xuất, tổ hợp tác.

- Tiếp tục chỉ đạo sắp xếp các tổ TK&VV, các tổ chức CT-XH nhận ủy thác theo cụm dân cư liền kề để tăng cường giám sát và phát huy hiệu quả vốn vay.

- Tiếp tục chỉ đạo lực lượng Công an xã phối hợp trong việc triển khai tín dụng chính sách.

3. Đối với Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa bàn

- Tiếp tục làm tốt công tác tham mưu cho Ban Đại diện xã, Đảng ủy, UBND xã tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung Chỉ thị số 39/CT-TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới; Quyết định 05/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030...

- Giải ngân hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng dư nợ được giao năm 2026. Duy trì không để phát sinh thêm nợ quá hạn; thu nợ đến hạn đạt trên 98%; Thu lãi đạt 100% kế hoạch; Tỷ lệ giao dịch xã bình quân (tỷ lệ giải ngân, thu nợ, thu lãi) đạt trên 98%; Huy động vốn đạt 100% kế hoạch giao; duy trì Tổ TK&VV đạt loại tốt, khá, từ 98% trở lên; không có tổ xếp loại trung bình, yếu.

- Tiếp tục phối hợp với các tổ chức CT-XH nhận ủy thác, UBND xã triển khai kiện toàn các Ban quản lý tổ TK&VV hoạt động không hiệu quả; sắp xếp tổ TK&VV theo cụm dân cư liên kề.

- Thường xuyên chỉ đạo rà soát, hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan theo quy định.

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai rà soát, xử lý nợ của khách hàng vay vốn đi khỏi nơi cư trú theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội tại Công văn số 7399/HD-NHCS ngày 12/9/2023 và phối hợp bàn giao dư nợ khi đã xác định cụ thể nơi cư trú theo văn bản số 1096/NHCS-TDNN ngày 11/3/2026.

- Tiếp tục và tăng cường công tác tự kiểm tra; đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa sai phạm, sai sót trong hoạt động tín dụng chính sách.

- Tiếp tục phối hợp với các tổ chức CT-XH thực hiện các nội dung ủy thác theo Văn bản thỏa thuận số 56789/VBTT-NHCS-HPN-HND-HCCB-ĐTN về việc thực hiện ủy thác cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Tuyên truyền về việc sử dụng dịch vụ Mobile Banking NHCSXH và huy động tiền gửi tiết kiệm Online, Tiết kiệm gửi góp,...; App quản lý tín dụng chính sách.

- Phối hợp với các tổ chức CT-XH nhận ủy thác triển khai kịp thời, thực hiện nghiêm túc văn bản chỉ đạo của Tổng Giám đốc NHCSXH.

4. Hoạt động dịch vụ ủy thác của các tổ chức CT-XH nhận ủy thác xã

- Thực hiện nghiêm túc các nội dung Hợp đồng ủy thác đã ký kết giữa NHCSXH với các tổ chức CT-XH nhận ủy thác.

- Nghiêm túc triển khai thực hiện kiểm tra, giám sát năm 2026 theo đúng Kế hoạch đã xây dựng.

- Tuyên truyền các văn bản chỉ đạo mới để Đoàn viên, hội viên biết và tiếp cận các sản phẩm dịch vụ của NHCSXH.

- Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn hộ vay sử dụng vốn vay đúng mục đích,

có hiệu quả; vận động nhân dân, hộ vay vốn tham gia gửi tiền tiết kiệm tại NHCSXH, tại Điểm giao dịch và tiền gửi tiết kiệm thông qua tổ TK&VV để hoàn thành kế hoạch giao.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2026 của Ban đại diện HĐQT - NHCSXH xã Tu Mơ Rông./.

Nơi nhận:

- NHCSXH tỉnh (B/c);
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND xã (B/c);
- Các Thành viên BDD xã (T/h);
- Các TC CT-XH xã (P/h);
- Thôn trưởng các thôn (T/h);
- Lưu VT, BDD.

**TM. BDD HĐQT NHCSXH XÃ
TRƯỞNG BAN**

**CHỦ TỊCH UBND XÃ
Trần Quốc Huy**



UBND XÃ TU MƠ RỒNG
BAN ĐẠI DIỆN THỊ TRẤN - NHCSXH

Biểu số: 02/BC

BIỂU TÍNH HỢP KẾT QUẢ CHO VAY HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC
Đến 30/06/2026

ĐVT: Triệu đồng, khách hàng

TT	CHƯƠNG TRÌNH VAY	Doanh số cho vay lũy kế từ đầu năm	Doanh số thu nợ lũy kế từ đầu năm	Doanh số xóa nợ lũy kế từ đầu năm	TỔNG DƯ NỢ	Tổng dư nợ phân theo tính chất nợ				Tổng dư nợ phân theo thời hạn				Số khách hàng dư nợ	Số lượt khách hàng vay vốn
						Nợ trong hạn		Nợ quá hạn		Nợ khoan hạn		hạn			
						Tổng số	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Tỷ lệ (%)	Ngắn hạn	Trung hạn		
1	Cho vay ưu đãi hộ nghèo - Nghị định 78/2002	1.530	4.239	0	22.854	22.818	10	0,04	27	0,12	0	21.336	1.518	556	22
2	Cho vay hộ cận nghèo - QĐ 15/2013	0	811	0	2.509	2.509	0	0,00	0	0,00	0	2.212	297	65	0
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo - QĐ 28/2015	159	698	0	4.728	4.728	0	0,00	0	0,00	0	4.728	0	155	7
4	Cho vay HSSV - QĐ 157/2007	100	50	0	460	460	0	0,00	0	0,00	0	180	280	6	0
5	Cho vay NS&VSM/TNT - QĐ 62/2004 & QĐ 10/2024	3.994	1.003	0	10.843	10.843	0	0,00	0	0,00	0	10.843	0	174	91
6	Cho vay giải quyết việc làm - ND 61/2015, ND 338/2025	14.044	3.630	0	41.253	41.253	0	0,00	0	0,00	3.563	28.543	9.147	855	84
7	Cho vay hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn - QĐ 31/2007	8.831	3.642	0	26.027	26.010	0	0,00	17	0,00	1.244	22.861	1.922	266	107
8	Cho vay hộ nghèo về nhà ở - QĐ 167/2008	0	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	0	0	0	9	0
9	Cho vay hộ nghèo về nhà ở - QĐ 33/2015	0	0	0	945	945	0	0,00	0	0,00	0	0	945	109	0
10	Cho vay hộ DTTS ĐBK - QĐ 32/2007	0	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	0	0	0	1	0
11	QĐ 2085/2016 - Cho vay hộ Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	0	0,00	0	0,00	0	0	0	17	0
12	Cho vay khác	0	30	0	150	150	0	0,00	0	0,00	0	150	0	1	0
13	ND 28/2022 - Cho vay vùng dân tộc thiểu số và miền núi	0	225	0	13.325	13.325	0	0,00	0	0,00	0	0	13.325	282	0
14	QĐ 22/2023/ Cho vay người chấp hành xong án phạt tù	100	120	0	100	100	0	0,00	0	0,00	0	100	0	4	0
TỔNG CỘNG		28.758	14.449	0	123.195	123.141	10	0,008	44	0,036	4.807	90.953	27.434	2.500	311



BÁO CÁO TỔNG HỢP SỐ LIỆU DƯ NỢ CHO VAY
Đến 30/3/2026

ĐVT: Triệu đồng

T	Thôn	Thực hiện đến 31/12/2025										Thực hiện đến 30/6/2026										Tăng/ giảm so với 31/12/2025				Tỷ lệ tăng trường tín dụng so với đầu năm
		Số tổ TK& VV	Số KH dư nợ	Tổng dư nợ	Trong đó				Lãi tồn	Số KH dư nợ	Tổng dư nợ	Trong đó				Lãi tồn	Dư nợ	Dư nợ quá hạn	Dư nợ khoanh	Lãi tồn						
					Dư nợ quá hạn	Tỷ lệ NQH (%)	Dư nợ khoanh	Tỷ lệ nợ Khoanh (%)				Dư nợ quá hạn	Tỷ lệ NQH (%)	Dư nợ khoanh	Tỷ lệ nợ Khoanh (%)											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	23	24	25	26	27				
1	Đắk Prang	1	43	4.493	0	0,00	0	0,00	12	2	43	4.533	0	0,00	0	0,00	2	40	0	0	-10	0,89				
2	Kon Tun	2	80	9.439	0	0,00	0	0,00	34	1	80	10.651	0	0,00	0	0,00	1	1.212	0	0	-33	12,84				
3	Ngọc Leng	2	84	10.606	0	0,00	0	0,00	40	2	84	11.654	0	0,00	0	0,00	9	1.048	0	0	-31	9,88				
4	Đắk Siêng	1	43	4.446	0	0,00	0	0,00	14	2	43	4.962	0	0,00	0	0,00	2	516	0	0	-12	11,61				
5	Kon Pia	3	92	13.225	0	0,00	0	0,00	41	1	92	13.650	0	0,00	0	0,00	7	425	0	0	-34	3,21				
6	Đắk Hà	1	50	5.711	0	0,00	0	0,00	20	1	50	6.928	10	0,14	0	0,00	2	1.217	10	0	-18	21,31				
7	Ty Tu	2	99	7.126	0	0,00	0	0,00	22	2	71	8.137	0	0,00	0	0,00	5	1.011	0	0	-17	14,19				
8	Kon Linh	1	45	4.148	0	0,00	0	0,00	13	1	45	4.633	0	0,00	0	0,00	2	485	0	0	-11	11,69				
9	Mô Páh	4	204	16.234	0	0,00	17	0,11	65	2	204	20.580	0	0,00	17	0,08	4	4.346	0	0	-61	26,77				
10	Đăng Neang	1	47	2.558	0	0,00	0	0,00	7	1	47	2.587	0	0,00	0	0,00	1	29	0	0	-6	1,13				
11	Đắk Ka	1	31	5.028	0	0,00	0	0,00	16	2	31	5.548	0	0,00	0	0,00	8	520	0	0	-8	10,34				
12	Văn Sang	1	35	4.081	0	0,00	27	0,66	11	2	35	3.833	0	0,00	27	0,70	0	-248	0	0	-11	-6,08				
13	Tu Mơ Rông	2	70	7.212	0	0,00	0	0,00	28	1	70	9.159	0	0,00	0	0,00	1	1.947	0	0	-27	26,99				
14	Đắk Chum 1	1	38	2.408	0	0,00	0	0,00	9	2	38	3.128	0	0,00	0	0,00	0	720	0	0	-9	29,92				
15	Đắk Chum 2	1	33	2.034	0	0,00	0	0,00	8	2	33	2.034	0	0,00	0	0,00	3	0	0	0	-5	0,00				
16	Long Leo	1	50	3.696	0	0,00	0	0,00	15	1	50	3.789	0	0,00	0	0,00	2	93	0	0	-13	2,52				
17	Tu Cấp	2	101	6.491	0	0,00	0	0,00	23	2	101	7.390	0	0,00	0	0,00	1	899	0	0	-22	13,85				
	Tổng cộng	27	1.145	108.935	0	0,00	44	0,04	378	27	1.117	123.195	10	0,008	44	0,036	50	14.259	10	0	-328	13,09				

Đơn vị tính: Triệu đồng

T T	Hội	Thực hiện đến 31/12/2025										Thực hiện đến 30/06/2026													
		Số tổ TK& VV	Tổng dư nợ	Tỷ trọng (%)	Nợ quá hạn		Nợ Khoanh		Lãi tồn	Tiền gửi tổ viên Tổ TK& V V	Số tổ TK& VV	Tổng dư nợ	Tỷ trọng (%)	Nợ quá hạn		Nợ Khoanh		Lãi tồn TK& VV	Tiền gửi tổ viên Tổ TK& V V	Tăng (+)/ giảm (-) so với 31/12/2025					
					Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)						Dư nợ	Tỷ lệ (%)	Dư nợ	Tỷ lệ (%)			Số tổ TK&V V	Dư nợ	Nợ quá hạn	Nợ Khoanh	Lãi tồn	Tiền gửi tổ viên Tổ TK&V V
1	Hội Nông dân	7	29.460	27	0	0,00	17	0,06	106	472	7	34.230	27,79	0	0,00	17	0,05	11	587	0	4.770	0	0	-95	115
2	Hội Phụ nữ	10	33.507	31	0	0,00	27	0,08	119	418	10	37.467	30,41	0	0,00	27	0,07	16	556	0	3.960	0	0	-103	138
3	Hội CCB	5	24.491	22	0	0,00	0	0,00	87	223	5	27.267	22,13	0	0,00	0	0,00	12	320	0	2.776	0	0	-75	97
4	Đoàn Thanh Niên	5	21.478	20	0	0,00	0	0,00	66	154	5	24.231	19,67	10	0,04	0	0,00	12	220	0	2.753	10	0	-54	66
	Tổng cộng	27	108.935	100	0	0,00	44	0,04	378	1.266	27	123.195	100	10	0,008	44	0,036	51	1.684	0	14.259	10	0	-328	417